

Số: /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và được thay thế lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 126 /TTr-STN&MT ngày 07 tháng 4 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và được thay thế lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn Phòng Chính Phủ - Cục KSTTHC (đề b/c);
- TTTU, HĐND tỉnh (đề b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐVP, KSTT, TTPVHCC, KGVX (D);
- Lưu: VT, KSTT (P).

CHỦ TỊCH

Trương Quốc Huy

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ ĐƯỢC THAY THẾ LĨNH
ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ THÔNG TIN ĐỊA LÝ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HÀ NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	1.001923	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	Tùy thuộc vào khối lượng tài liệu yêu cầu cung cấp nên thời hạn giải quyết có thể ngay trong ngày làm việc hoặc theo thời gian thống nhất với bên yêu cầu cung cấp.	Trực tiếp tại Trung tâm PVHCC tỉnh; - Dịch vụ bưu chính công ích - Trực tuyến	Thông tư số 33/2019/TT-BTC ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	- Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ. - Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ - Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 33/2019/TT-BTC ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Bộ Tài chính

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có (đồng)	Căn cứ pháp lý
1		Cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ	- Cấp giấy phép/bổ sung là 9 ngày làm việc - Gia hạn là 8 ngày làm việc	-Trực tiếp tại Trung tâm PVHCC tỉnh;	- Cấp giấy phép/bổ sung danh mục: Số hoạt động dịch vụ đo đạc và bản đồ đề nghị cấp phép: + Dưới 03: 4.090 nghìn đồng/ hồ sơ; + Từ 03 đến 05: 5.540 nghìn đồng/ hồ sơ;	- Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ - Nghị định số 136/2021/NĐ-CP

	1.000082	Cấp bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ			- Dịch vụ bưu chính công ích - Trực tuyến	+ Từ 06 đến 08: 6.030 nghìn đồng/ hồ sơ; + Từ 09 đến 11: 6.510 nghìn đồng/ hồ sơ; + Từ 12 đến 14: 7.000 nghìn đồng/ hồ sơ. - Gia hạn giấy phép: Chưa quy định	ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ - Thông tư số 34/2017/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Thông tư số 33/2019/TT-BTC ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
2	1.000049	Cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II Cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II Gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II Cấp lại chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	- Cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II: 10 ngày; - Gia hạn/ cấp lại/ cấp đổi: 03 ngày	-Trực tiếp tại Trung tâm PVHCC tỉnh; - Dịch vụ bưu chính công ích - Trực tuyến	Chưa quy định	- Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ. - Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ